

Số: 22 /2019/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 12 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về chế độ, chính sách đối với Đại đội Dân quân thường trực
cấp tỉnh của tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Thực hiện Công văn số 1130/BTL-BTM ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Bộ Tư lệnh Quân khu về việc tổ chức, xây dựng Đại đội Dân quân thường trực cấp tỉnh để sẵn sàng phối hợp các cơ quan chức năng xử trí các tình huống có thể xảy ra;

Thực hiện Công văn số 2395-CV/TU ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Tỉnh ủy Bình Dương về việc chấp thuận chủ trương tổ chức, xây dựng Đại đội Dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh để sẵn sàng phối hợp các cơ quan chức năng xử trí các tình huống có thể xảy ra;

Xét Tờ trình số 5879/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về dự thảo Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với Đại đội Dân quân thường trực cấp tỉnh của tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ, chính sách đối với Đại đội Dân quân thường trực cấp tỉnh của tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan chức năng, các địa phương có liên quan và công dân nam trong độ tuổi tham gia nghĩa vụ Dân quân tự vệ được xét tuyển, điều động tham gia nghĩa vụ Dân quân thường trực cấp tỉnh của tỉnh Bình Dương.

2. Các chế độ, chính sách



a) Trợ cấp ngày công lao động, phụ cấp trách nhiệm, trợ cấp tuần tra ban đêm

- Trợ cấp ngày công lao động: $0,12 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng.

- Phụ cấp trách nhiệm:

+ Đại đội trưởng, Chính trị viên: $0,20 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng;

+ Đại đội phó, Chính trị viên phó: $0,15 \times$ mức lương cơ sở/người/tháng;

+ Trung đội trưởng: $0,12$ mức lương cơ sở/người/tháng;

+ Tiểu đội trưởng: $0,10$ mức lương cơ sở/người/tháng.

- Trợ cấp tuần tra ban đêm: Dân quân thường trực cấp tỉnh làm nhiệm vụ tuần tra ban đêm từ 21 giờ hôm trước đến 05 giờ hôm sau thì được trợ cấp thêm 30% tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường, nhưng không quá 10 đêm/người/tháng; nếu làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật lao động.

b) Hỗ trợ bảo hiểm y tế: hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế trong thời gian tham gia Dân quân thường trực cấp tỉnh.

c) Hỗ trợ khi bị ốm đau, tai nạn, bị thương, bị chết, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ: thực hiện theo quy định tại Điều 51 Luật Dân quân tự vệ và Điều 21, Điều 22, Điều 23 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

d) Chế độ ăn:

- Mức tiền ăn và chế độ ăn thêm ngày lễ, tết: thực hiện bằng mức tiền ăn đối với hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh do Bộ Quốc phòng quy định hàng năm;

- Chế độ ăn thêm diễn tập: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2018/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chế độ ăn thêm diễn tập đối với các cơ quan, đơn vị trong Quân đội.

đ) Bảo đảm trang phục: thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ.

e) Tiêu chuẩn vật chất hậu cần: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng.

g) Chế độ hỗ trợ khi hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân thường trực cấp tỉnh: được hỗ trợ 03 tháng lương cơ sở/người. Trường hợp thời gian tham gia chưa đủ 24 tháng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn đột xuất hoặc thảm họa thiên tai thì căn cứ vào thời gian tham gia thực tế được hỗ trợ 01 hoặc 02 tháng lương cơ sở theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 49 Luật Dân quân tự vệ.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm trong dự toán giao hàng năm, nội dung không thực hiện chế độ tự chủ.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

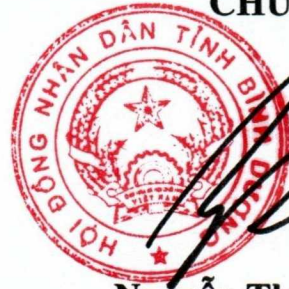
Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khoá IX, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Ban CTĐB;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Lãnh đạo VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo, Website, Báo, Đài PT - TH Bình Dương;
- Phòng: TH, HCTCQT;
- Lưu: VT (10).

CHỦ TỌA



Nguyễn Thị Kim Oanh

